

Số: /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 04/TTr-SDL ngày 11/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch; dịch vụ tham quan tại khu du lịch và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với khách sạn

1. Có tối thiểu 10 buồng ngủ; có quây lễ tân, phòng vệ sinh chung.

2. Có nơi để xe cho khách đối với khách sạn nghỉ dưỡng và khách sạn bên đường.

3. Có bếp, phòng ăn và dịch vụ phục vụ ăn uống đối với khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn nổi, khách sạn bên đường.

4. Có giường, đệm, chăn, gối, khăn mặt, khăn tắm; thay bọc đệm, bọc chăn, bọc gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới.

5. Có nhân viên trực 24 giờ mỗi ngày.

6. Tiêu chí đánh giá xếp hạng sao đối với khách sạn thực hiện theo TCVN 4391:2015 về Khách sạn - xếp hạng.

Điều 4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với biệt thự du lịch

1. Có các đặc điểm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 3 Quyết định này.

2. Có khu vực tiếp khách, phòng ngủ, bếp và phòng tắm, phòng vệ sinh.

3. Tiêu chí đánh giá xếp hạng sao đối với Biệt thự du lịch thực hiện theo TCVN 7795:2021 về Biệt thự du lịch - xếp hạng.

Điều 5. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với căn hộ du lịch

1. Có các đặc điểm quy định tại khoản 4 Điều 3, khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

2. Tiêu chí đánh giá xếp hạng sao đối với căn hộ du lịch thực hiện theo TCVN 7798:2014 về căn hộ du lịch - xếp hạng.

Điều 6. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với tàu thủy lưu trú du lịch

1. Có khu vực đón tiếp khách, phòng ngủ (cabin), phòng tắm, phòng vệ sinh, bếp, phòng ăn và dịch vụ phục vụ ăn uống.

2. Có các đặc điểm quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này.

3. Tiêu chí đánh giá xếp hạng sao đối với tàu thủy lưu trú du lịch thực hiện theo TCVN 9372:2012 về tàu thủy lưu trú du lịch - xếp hạng.

Điều 7. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với nhà nghỉ du lịch

1. Có khu vực đón tiếp khách và phòng ngủ; có phòng tắm, phòng vệ sinh.

2. Có các đặc điểm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 3 Quyết định này.

3. Tiêu chí đánh giá Nhà nghỉ du lịch thực hiện theo TCVN 7799:2017 về nhà nghỉ du lịch.

Điều 8. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê

1. Có khu vực lưu trú cho khách; có bếp, phòng tắm, phòng vệ sinh.

2. Có giường, đệm hoặc chiếu; có chăn, gối, màn, khăn mặt, khăn tắm; thay bọc đệm hoặc chiếu; thay bọc chăn, bọc gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới.

3. Tiêu chí đánh giá nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê thực hiện theo TCVN 7800:2017 về nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.

Điều 9. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với bãi cắm trại du lịch

1. Có khu vực đón tiếp khách, khu vực dựng lều, trại, phòng tắm, vệ sinh chung.
2. Có tủ thuốc cấp cứu ban đầu.
3. Có nhân viên bảo vệ trực khi có khách.
4. Tiêu chí đánh giá bãi cắm trại du lịch thực hiện theo TCVN 7796:2009 về Bãi cắm trại du lịch.

Điều 10. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tham quan tại khu du lịch

1. Giá dịch vụ tham quan đối với người trên 15 tuổi đến dưới 60 tuổi;
2. Giá dịch vụ tham quan đối với trẻ em từ 06 đến 15 tuổi và người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên);
3. Giá dịch vụ tham quan đối với trẻ em dưới 06 tuổi;
4. Giá dịch vụ tham quan khác.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 12;
- Vụ Pháp chế - Bộ VH-TTDL;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP5.

Zh_VP5

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Song Tùng